

Bản án số: **02/2022/HS-ST**
Ngày: 23/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU - PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Tấn Thành

2/ Ông Nguyễn Ngọc Chấn

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thông - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2021/HSST ngày 06 tháng 01 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/HSST-QĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Lê Minh N, (tên gọi khác: Không) sinh năm 1989 tại Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân Tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Minh T4, sinh năm 1966 và bà Lê Thị V, sinh năm 1966; Vợ, con; Chưa; Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 28/02/2011, bị TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2017. Ngày 14/9/2017, bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 23/9/2019. Nhân thân: Ngày 22/02/2006, bị TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản và Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/3/2007. Ngày 27/12/2007, bị TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 27 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 23/4/2008, bị TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt 33 tháng tù với bản án số 109/HSST ngày 27/12/2007 về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/02/2010. Ngày

20/7/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản xảy ra từ ngày 27/12/2019 đến ngày 29/12/2019. Ngày 23/9/2020, bị TAND thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và 03 năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức buộc phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm tù. Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Kim Sơn. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Viết H, (tên gọi khác: Không), sinh năm 1982 tại Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 1, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 07/12; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Lê Viết Hồng (Chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955; Vợ: Lê Thanh T4, sinh năm 1984. Con ruột: 02 người, sinh năm 2006 và 2013; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 27/12/2011, bị TAND huyện Tân K, tỉnh Nghệ An xử phạt 03 tháng 03 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 27/12/2011. Ngày 04/7/2012, bị TAND Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 23/5/2013. Ngày 04/4/2014, bị TAND Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù 16/8/2015. Ngày 24/3/2017, bị TAND huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 23/9/2019. Nhân thân: Ngày 23/9/2020, bị TAND thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và 02 năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức buộc phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm tù. Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Kim Sơn. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Anh Trần Văn H, sinh ngày 16/10/2002; trú tại: Thôn D2, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Anh Võ Thành Đ, sinh năm 1993; trú tại: Thôn T, xã X2, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Vợ chồng Trần Văn K, sinh năm 1978 và bà Lê Thị sinh năm 1979; Cùng trú tại: Thôn Dân Phú 2, xã Xuân Phương, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn T, xã XL, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- Anh Lâm Hà Khánh T, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn T, xã XL, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- Anh Phan Tại H, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn T, xã XL, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 2001; Trú tại: Thôn M, xã XL, thị xã S,

tỉnh Phú Yên

- Chị Đỗ Thị Thu T, sinh năm 2001; Trú tại: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên

- Anh Lâm Trần Ninh P, sinh năm 1995

- Ông Lâm Xuân T2, sinh năm 1964

Cùng trú tại: Thôn T, xã XL, thị xã S, tỉnh Phú Yên..

- Anh Bùi Khánh H2, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 3, khu vực 6, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định

- Chị Lê Thanh T3, sinh năm 1984; Trú tại: Khu vực B 4, phường AB, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 9/2019, Lê Minh N chấp hành xong án phạt tù. Để có tiền tiêu xài, N đến địa bàn tỉnh Gia Lai cầu kết cùng với Nguyễn Như Mạnh thực hiện 04 vụ trộm cắp xe mô tô đã bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Gia Lai khởi tố. Khoảng cuối tháng 02/2020, Lê Minh N gặp người tên Nam không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể mà N quen biết khi trộm cắp tài sản vào năm 2017 bàn bạc N trộm cắp xe mô tô rồi chuyển cho Nam qua số điện thoại 0562084712 (đứng tên thuê bao là Lê Thị Ái Như) bán qua biên giới Campuchia nên Nam cung cấp cho N dụng cụ phá khóa xe mô tô và các biển số, giấy đăng ký xe giả cho N. Ngày 28/02/2020, N gặp Lê Viết H do quen biết khi chấp hành án, N rủ H đến các tỉnh miền Trung để trộm xe mô tô bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì H đồng ý. Cả hai bàn bạc, thống nhất khi đi mang theo công cụ phá khóa xe, các biển số xe kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả, khi phát hiện xe mô tô không có người trông coi thì H điều khiển xe dừng cạnh giới, N vào phá khóa xe. Như đã bàn bạc và thống nhất kế hoạch từ trước, H dùng xe mô tô biển kiểm soát 68X1-32404 (xe do chị Lê Thanh T3 là vợ H đứng tên mua) điều khiển chở N đi trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

- Lần 01: Vào khoảng 14 giờ ngày 29/02/2020, H điều khiển xe mô tô 68X1-32404 chở N đến tại Tiệm làm tóc hiệu “Asia” thuộc khu phố Long Hải Bắc, phường Xuân Yên, thị xã Sông Cầu thì phát hiện bên hông Tiệm có xe mô tô biển kiểm soát 78D1-256.25 nhãn hiệu Exciter của anh Trần Văn H1 là nhân viên Tiệm tóc thì H dừng cạnh giới, N lén lút đến dùng đoản phá khóa xe rồi điều khiển xe mô tô 78D1-256.25, còn H điều khiển xe mô tô 68X1-32404 đi tìm xe khách để gửi xe mô tô đã trộm cắp được cho Nam tiêu thụ theo bàn bạc thống nhất. N và H gặp anh Nguyễn Mạnh H2 hỏi địa điểm gửi xe thì anh H2 giới thiệu đến nhà xe “Thành

Liên” để gửi. N và H đến gặp anh Lâm Xuân Thành, chị Lâm Hà Khánh T và Phan Tại H3, N đưa tờ giấy ghi thông tin người gửi, người nhận cho H3 để gửi xe 78D1-256.25 vào thành phố Hồ Chí Minh rồi cả hai tiếp tục điều khiển xe mô tô 68X1-32404 ra thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tìm xe trộm cắp. Sau đó, N và H vào thành phố Hồ Chí Minh gặp người tên Nam lấy số tiền 7.000.000 đồng là tiền bán xe mô tô 78D1-256.25 chia nhau tiêu xài.

- Lần 02: Với phương thức, thủ đoạn như trên vào khoảng 07 giờ ngày 04/3/2020, Lê Viết H điều khiển xe mô tô 68X1-32404 chở Lê Minh N đến cửa hàng “Điện máy xanh” thuộc khu phố L, phường XP, thị xã S thì phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 78D1-292.00 nhãn hiệu Exciter của anh Võ Thành Đ là nhân viên cửa hàng dựng tại khu vực phía trước cửa hàng nên Lê Viết H đứng cạnh giới, còn N lén lút đến dùng đoản phá khóa xe rồi cả hai cùng đi tìm xe khách để gửi xe tiêu thụ. Trên đường đi, N mở cốp xe thì có giấy tờ cá nhân và giấy đăng ký xe, N lấy giấy đăng ký xe còn giấy tờ cá nhân vứt bỏ trên đường. Đến khoảng 09 giờ ngày 04/3/2020, H và N thấy xe ô tô khách “Thanh Hương” của anh Bùi Khánh H2 ở thành phố Quy Nhơn nên đưa tờ giấy ghi số điện thoại người gửi 0398761311, nơi nhận là bến xe Miền Đông, số điện thoại nhận 0562084712. Sau khi gửi được xe trộm cắp được, N và H tiếp tục đến thành phố Quy Nhơn trộm cắp xe mô tô thì bị Công an thành phố Quy Nhơn phát hiện bắt giữ.

Ngoài ra, ngày 29/02/2020, ngày 03/3/2020 và ngày 04/3/2020, Lê Minh N và Lê Viết H còn cùng nhau thực hiện 03 vụ trộm cắp tại thành phố Quy Nhơn đã bị TAND thành phố Quy Nhơn xét xử.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 17/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: Xe mô tô, biển kiểm soát 78D1-292.00 đã qua sử dụng, nhãn hiệu Yamaha số loại Exciter 2NDC, dung tích 149, số khung: RLCUG1010KY136033, số máy G3D4E902464, sơn màu Bạc trắng xanh đăng ký lần đầu ngày 08/4/2019, tại thời điểm ngày 04/3/2020 có giá trị thực theo giá thị trường 28.000.000 đồng.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG ngày 04/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 78D1-256.25 đã qua sử dụng nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter 2ND1, dung tích 149, số khung PLCUG0610J709678, số máy G3D4E738213; sơn màu đen đăng ký lần đầu ngày 19/6/2018 tại thời điểm ngày 29/2/2020 có giá trị thực theo giá thị trường 25.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter màu bạc trắng xanh biển số 78D1-292.00, số máy G3D4E-902464, số khung 1010KY136033 đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 020461 do Công an thị xã Sông Cầu cấp ngày 08/4/2019, Cơ quan điều tra đã trả cho bị hại đã trả cho Võ Thành Đ.

- 01 mảnh giấy vở học sinh ghi nội dung người gửi: 0398761311, người nhận 0562084712 nhận bến xe Miền Đông.

- Công cụ phá khóa và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter biển số 68X1-32404, số máy G3D4E 378103, số khung 0610GY360393, màu trắng đen; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6+, số Imei1: 351920100382041, số Imei2: 351921100382649, màu vàng đồng, gắn sim 1: 0962833137, sim 2: 0348849365 đã qua sử dụng của Lê Minh N; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại phím bấm màu xanh gắn thẻ sim 0901963906, số Imei 356944095006986 đã qua sử dụng của Lê Viết H. Đã được giải quyết theo Bản án số 100/2020/HSST ngày 23/9/2020 của TAND thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- 01 Đĩa DVD lưu trữ 10 đoạn video trích xuất từ camera nhà anh Lê Đông Hải thuộc khu phố Long Hải Đông, phường Xuân Yên; từ camera nhà chị Vương Thị Bích Yên ở khu phố P Lý, phường Xuân Yên; từ camera cổng thôn Mỹ Lộc, xã Xuân Lộc; từ camera cây xăng dầu Thành Liên thuộc Thạch Khê, Xuân Lộc; từ camera an ninh thị xã tại cầu Thị Thạc; ngã ba cây me; từ camera cửa hàng Điện máy xanh.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Võ Thành Đ đã nhận lại xe mô tô 78D1-29200 và không yêu cầu Lê Minh N và Lê Viết H bồi thường gì khác.

Bị hại Trần Văn H1 yêu cầu Lê Minh N và Lê Viết H bồi thường số tiền 25.000.000 đồng; Lê Minh N và Lê Viết H đã bồi thường cho bị hại Trần Văn H1 số tiền 6.000.000 đồng.

Đối với người tên Nam sử dụng số điện thoại 0562084712 và cung cấp công cụ, hứa hẹn nhận xe tiêu thụ và Lê Thị Ái Như chủ số điện thoại 0562084712 cơ quan điều tra công an thị xã Sông Cầu đã tiến hành xác minh nhưng chưa có kết quả nên sẽ xác minh, điều tra xử lý sau

Đối với Nguyễn Mạnh H2 giới thiệu xe khách để N, H gởi xe, Lâm Xuân T3, Lâm Hà Khánh T, Phan Tại H3, Nguyễn Văn H1, Bùi Khánh H2 nhận chuyển xe mô tô trộm cắp của N, H nhưng những người này đều không biết xe do N, H trộm cắp mà có nên không xem xét.

Riêng Lê Thanh T3 là vợ của Lê Viết H là người mua xe mô tô BKS 68X1-32404 là phương tiện mà H sử dụng đi trộm cắp đã được giải quyết tại bản án số 100/2020/HSST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Tại Bản Cáo trạng số 01/CT-VKS SC ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo Lê Minh N, Lê Viết H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, b, c và g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Các bị cáo Lê Minh N, Lê Viết H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu và thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo N, H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b, c và g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, là đúng, không oan, sai. Các bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm luận tội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo N, H trước khi đi trộm cắp tài sản các bị cáo có bàn bạc chuẩn bị công cụ, phân công cụ thể cấu kết chặt chẽ với nhau, nên thuộc trường hợp có tổ chức, tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 53.000.000đ, ngoài 02 lần trộm cắp này ra các bị cáo còn thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản tại Tp. Quy Nhơn và bị xét xử và nhiều vụ ở Gia lai đã bị khởi tố, các bị cáo không có nghề ngH1 lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống, lấy tiền bán được từ tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính, các bị cáo Lê Minh N, Lê Viết H đã “tái phạm”, chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” thuộc tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a,b,c và g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự nên Cáo trạng số 01/CT-VKS SC ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo Lê Minh N, Lê Viết H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, b, c và g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Do đó giữ nguyên quyết định truy tố tại bản cáo trạng 01/CT-VKS SC ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo; các bị cáo N, H nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mỗi lần có giá trị trên 2.000.000 đồng, thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” các bị cáo có nhân thân xấu, tuy nhiên khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, bồi thường một phần thiệt hại. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê Minh N, Lê Viết H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm a,b,c và g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Lê Minh N từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Bị cáo Lê Viết H từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Lê Minh N bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình định xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 03 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 08 năm tù .Bị cáo Nguyễn Viết H bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình định xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 06 năm tù tại bản án số 100/2020/HSST ngày 23/9/2020, bản án đã có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Điều 56 BLHS để tổng hợp nhiều bản án và buộc bị cáo N chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày

04/3/2020. Buộc bị cáo H chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 09 năm 06 tháng tù đến 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2020 .

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với người tên Nam sử dụng số điện thoại 0562084712 và cung cấp công cụ, hứa hẹn nhận xe tiêu thụ và Lê Thị Ái Như chủ số điện thoại 0562084712 cơ quan điều tra công an thị xã Sông Cầu đã tiến hành xác minh nhưng chưa có kết quả nên sẽ xác minh, điều tra xử lý sau

Đối với Nguyễn Mạnh H2 giới thiệu xe khách để N, H gửi xe, Lâm Xuân T3, Lâm Hà Khánh T, Phan Tại H3, Nguyễn Văn H1, Bùi Khánh H2 nhận chuyển xe mô tô trộm cắp của N, H nhưng những người này đều không biết xe do N, H trộm cắp mà có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo N, H liên đới bồi thường cho bị hại Trần Văn H1 số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng), mỗi bị cáo 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Riêng bị hại Võ Thành Đ đã nhận lại xe mô tô 78D1-29200 và không yêu cầu Lê Minh N và Lê Viết H bồi thường gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng Lê Thanh T3 là vợ của Lê Viết H là người mua xe mô tô BKS 68X1-32404 là phương tiện mà H sử dụng đi trộm cắp đã được giải quyết tại bản án số 100/2020/HSST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter màu bạc trắng xanh biển số 78D1-292.00, số máy G3D4E-902464, số khung 1010KY136033 đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 020461 do Công an thị xã Sông Cầu cấp ngày 08/4/2019, Cơ quan điều tra đã trả cho bị hại đã trả cho Võ Thành Đ nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Công cụ phá khóa và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter biển số 68X1-32404, số máy G3D4E 378103, số khung 0610GY360393, màu trắng đen; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6+, số Imei1: 351920100382041, số Imei2: 351921100382649, màu vàng đồng, gấn sim 1: 0962833137, sim 2: 0348849365 đã qua sử dụng của Lê Minh N; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại phím bấm màu xanh gấn thẻ sim 0901963906, số Imei 356944095006986 đã qua sử dụng của Lê Viết H. Đã được giải quyết theo Bản án số 100/2020/HSST ngày 23/9/2020 của TAND thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, đề nghị HĐXX không xem xét.

- 01 mảnh giấy vở học sinh ghi nội dung người gửi: 0398761311, người nhận 0562084712 nhận bến xe Miền Đông. 01 Đĩa DVD lưu trữ 10 đoạn video trích xuất từ camera nhà anh Lê Đông Hải thuộc khu phố Long Hải Đông, phường Xuân Yên; từ camera nhà chị Vương Thị Bích Yên ở khu phố P Lý, phường Xuân Yên; từ camera cổng thôn Mỹ Lộc, xã Xuân Lộc; từ camera cây xăng dầu Thành Liên thuộc Thạch Khê, Xuân Lộc; từ camera an ninh thị xã tại cầu Thị Thạc; ngã ba cây me; từ camera cửa hàng Điện máy xanh, đề nghị HĐXX tuyên lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ăn năn, hối cải việc các bị cáo đã làm và xin lỗi các bị hại đồng thời xin được giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Sông Cầu, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu. Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người bị hại, người làm chứng: Quá trình điều tra đã có lời khai, việc vắng mặt của người làm chứng, người bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ quy định tại Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại, người làm chứng.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Minh N, Lê Viết H tại phiên tòa sơ thẩm và tại cơ quan điều tra phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm phạm tội, tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ cơ sở xác định: Chính các bị cáo Lê Minh N và Lê Viết H đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là xe mô tô biển kiểm soát 78D1-256.25 của Trần Văn H1, trị giá 25.000.000 đồng vào khoảng 14 giờ ngày 29/02/2020 và trộm 01 xe mô tô biển kiểm soát 78D1-29200 của Võ Thành Đ, trị giá 28.000.000đ vào khoảng 07 giờ ngày 04/3/2020 tại khu phố Long Hải Bắc, phường Xuân Yên và khu phố Long Hải, phường Xuân Phú, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 53.000.000đ, trước khi đi trộm cắp tài sản các bị cáo có bản bạc chuẩn bị công cụ, phân công cụ thể, cấu

kết chặt chẽ với nhau, nên thuộc trường hợp có tổ chức, các bị cáo không có nghề nghiệp lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống, lấy tiền bán được từ tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính nên thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, các bị cáo Lê Minh N, Lê Viết H đã “tái phạm”, chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” thuộc tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a,b,c và g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Minh N, Lê Viết H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a,b,c và g khoản 2 Điều 173 BLHS. Nên Cáo trạng số 01/CT-VKS SC ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, truy tố các bị cáo Lê Minh N, Lê Viết H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a,b,c và g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, hậu quả, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đối với các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Minh N và Lê Viết H rất nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình nhưng chỉ vì lười lao động mà muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây dư luận bất bình, hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương. Trước khi đi trộm cắp tài sản các bị cáo có bàn bạc, chuẩn bị công cụ, liên hệ với người tiêu thụ tài sản, phân công cụ thể việc đi trộm cắp tài sản của người khác nên có người chủ mưu, cầm đầu thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức. Vì vậy khi lượng hình cần xem xét đến vai trò của từng bị cáo, quá trình nhân thân, thái độ thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo N là người chuẩn bị công cụ, liên hệ với người khác để tiêu thụ tài sản khi trộm được, đề xướng, rủ rê và là người thực hành nên là người chủ mưu, cầm đầu đi trộm cắp tài sản, bị cáo nhiều lần bị Tòa án đưa ra xét xử về tội Trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà tu dưỡng rèn luyện bản thân, mà có ý thức xem thường pháp luật nên sau khi ra tù bị cáo không lo tu chí làm ăn mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo N đã “tái phạm”, chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, điều đó cho thấy bị cáo rất xem thường pháp luật, bị cáo phạm tội với nhiều tình tiết định khung tăng nặng, ngoài ra bị cáo đã thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản, mỗi lần có giá trị trên 2.000.000đồng thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS nên phải chịu mức án cao hơn bị cáo H. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, bồi thường một phần thiệt hại đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS

nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này để xem xét về hình phạt khi lượng hình. Nhưng cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo riêng bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này cho xã hội.

Đối với bị cáo Lê Viết H cũng đã bị Tòa án đưa ra xét xử nhiều lần về tội trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà tu dưỡng, rèn luyện bản thân, mà có ý thức xem thường pháp luật nên sau khi ra tù bị cáo không lo tu chí làm ăn mà nghe theo lời rủ rê của bị cáo N để đi trộm cắp tài sản, bị cáo dùng xe mô tô của vợ chồng để chở bị cáo N đi trộm cắp tài sản và là người canh giới, bị cáo đã tái phạm nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, điều đó cho thấy bị cáo rất xem thường pháp luật, bị cáo phạm tội với nhiều tình tiết định khung tăng nặng, ngoài ra bị cáo đã thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản, mỗi lần có giá trị trên 2.000.000 đồng thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, bồi thường một phần thiệt hại đây là những là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này để xem xét về hình phạt khi lượng hình. Nhưng cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và cũng phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo riêng bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này cho xã hội.

Bị cáo Lê Minh N bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 03 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 08 năm tù tại bản án số 100/2020/HSST ngày 23/9/2020, bản án đã có hiệu lực pháp luật nên áp dụng khoản 1 Điều 56 BLHS để tổng hợp nhiều bản án và buộc bị cáo N phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án.

Bị cáo Lê Viết H bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình định xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 06 năm tù tại bản án số 100/2020/HSST ngày 23/9/2020, bản án đã có hiệu lực pháp luật nên áp dụng khoản 1 Điều 56 BLHS để tổng hợp nhiều bản án và buộc các bị cáo H chấp hành chung hình phạt của hai bản án.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Đối với người tên Nam sử dụng số điện thoại 0562084712 và cung cấp công cụ cho bị cáo N, hứa hẹn nhận xe tiêu thụ và Lê Thị Ái Như chủ số điện thoại

điện thoại 0562084712, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu đã tiến hành xác minh nhưng chưa có kết quả nên sẽ xác minh, điều tra xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với Nguyễn Mạnh H2 giới thiệu xe khách để N, H gửi xe, Lâm Xuân Thành, Lâm Hà Khánh T, Phan Tại H3, Nguyễn Văn H1, Bùi Khánh H2 nhận chuyển xe mô tô trộm cắp của N, H nhưng những người này đều không biết xe do N, H trộm cắp mà có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét

[8] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt và dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và những vấn đề khác là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lê Minh N, Lê Viết H liên đới bồi thường cho bị hại Trần Văn H1 số tiền 25.000.000 đồng, các bị cáo đã bồi thường cho bị hại H1 6.000.000đồng nên các bị cáo còn phải tiếp tục liên đới bồi thường số tiền 19.000.000đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

[10] Riêng bị hại Võ Thành Đ đã nhận lại xe mô tô 78D1-29200 và không yêu cầu Lê Minh N và Lê Viết H bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với Lê Thanh T3 là vợ của Lê Viết H là người mua xe mô tô BKS 68X1-32404 mà H sử dụng đi trộm cắp đã được giải quyết tại bản án số 100/2020/HSST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên Hội đồng xét xử không xem xét

[12] Về vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter màu bạc trắng xanh biển số 78D1-292.00, số máy G3D4E-902464, số khung 1010KY136033 đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 020461 do Công an thị xã Sông Cầu cấp ngày 08/4/2019; Cơ quan điều tra đã trả cho bị hại đã trả cho Võ Thành Đ là hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Công cụ phá khóa và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter biển số 68X1-32404, số máy G3D4E 378103, số khung 0610GY360393, màu trắng đen; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6+, số Imei1: 351920100382041, số Imei2: 351921100382649, màu vàng đồng, gắn sim 1: 0962833137, sim 2: 0348849365 đã qua sử dụng của Lê Minh N; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại phím bấm màu xanh gắn thẻ sim 0901963906, số Imei 356944095006986 đã qua sử dụng của Lê Viết H. Đã được giải quyết theo Bản án số 100/2020/HSST ngày 23/9/2020 của TAND thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã được giải quyết tại bản án số 100/2020/HSST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 mảnh giấy vở học sinh ghi nội dung người gửi: 0398761311, người nhận 0562084712 nhận bến xe miền đông, 01 Đĩa DVD lưu trữ 10 đoạn video trích xuất từ camera nhà anh Lê Đông Hải thuộc khu phố Long Hải Đông, phường Xuân Yên; từ camera nhà chị Vương Thị Bích Yên ở khu phố P Lý, phường Xuân Yên; từ camera cổng thôn Mỹ Lộc, xã Xuân Lộc; từ camera cây xăng dầu Thành Liên thuộc Thạch Khê, Xuân Lộc; từ camera an ninh thị xã tại cầu Thị Thạc; ngã ba cây me; từ camera cửa hàng Điện máy xanh, là tài liệu, chứng cứ nên lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[13] Về án phí: Các bị cáo Lê Minh N, Lê Viết H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Điểm a, b, c và g khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 17 Bộ luật Hình sự;

+ Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự 2015; Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự;

+ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Lê Minh N, Lê Viết H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Minh N** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Buộc bị cáo Lê Minh N chấp hành hình phạt 08 (tám) năm tù tại Bản án số 100/2020/HSST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Lê Minh N phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2020.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Viết H** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Buộc bị cáo Lê Viết H chấp hành hình phạt 06 (Sáu) năm tù tại Bản án số 100/2020/HSST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Lê Viết H phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2020.

[2] Về hình phạt bổ sung: Không

[3] Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lê Minh N, Lê Viết H liên đới bồi thường cho bị hại Trần Văn H1 số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại Trần Văn H1 số tiền 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter màu bạc trắng xanh biển số 78D1-292.00, số máy G3D4E-902464, số khung 1010KY136033 đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 020461 do Công an thị xã Sông Cầu cấp ngày 08/4/2019. Cơ quan điều tra đã trả cho bị hại đã trả cho Võ Thành Đ. Công cụ phá khóa và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter biển số 68X1-32404, số máy G3D4E 378103, số khung 0610GY360393, màu trắng đen; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6+, số Imei1: 351920100382041, số Imei2: 351921100382649, màu vàng đồng, găng sim 1: 0962833137, sim 2: 0348849365 đã qua sử dụng của Lê Minh N; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại phím bấm màu xanh găng thẻ sim 0901963906, số Imei 356944095006986 đã qua sử dụng của Lê Viết H. Đã được giải quyết theo Bản án số 100/2020/HSST ngày 23/9/2020 của TAND thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

01 mảnh giấy vờ học sinh ghi nội dung người gửi: 0398761311, người nhận 0562084712 nhận bốn xe miền đông, 01 Đĩa DVD lưu trữ 10 đoạn video trích xuất từ camera nhà anh Lê Đông Hải thuộc khu phố Long Hải Đông, phường Xuân Yên; từ camera nhà chị Vương Thị Bích Yên ở khu phố P Lý, phường Xuân Yên; từ camera cổng thôn Mỹ Lộc, xã Xuân Lộc; từ camera cây xăng dầu Thành Liên thuộc Thạch Khê, Xuân Lộc; từ camera an ninh thị xã tại cầu Thị Thạc; ngã ba cây me; từ camera cửa hàng Điện máy xanh là tài liệu, chứng cứ nên lưu tại hồ sơ vụ án

[5] Về án phí: Buộc bị cáo Lê Minh N, Lê Viết H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 475.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND thị xã Sông Cầu (1);
- Cơ quan CSĐT Công an Tx. Sông Cầu (1);
- Sở tư pháp (1);
- THA HS thị xã thị xã Sông Cầu (8);
- THA DS thị xã thị xã Sông Cầu (1);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (1);
- Lưu HS, án văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh H2